

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1. Tập hợp M các số tự nhiên khác 0 và lớn hơn hoặc bằng 5 được viết là:

A. $M = \{x \in \mathbb{N}^* / x \leq 5\}$

B. $M = \{x \in \mathbb{N}^* / x \geq 5\}$

C. $M = \{x \in \mathbb{N} / x \leq 5\}$

D. $M = \{x \in \mathbb{N} / x \geq 5\}$

Câu 2. Khẳng định nào sau đây đúng?

A. Số 1 là số tự nhiên nhỏ nhất

B. Số 999 999 là số tự nhiên lớn nhất

C. Số 0 là một số tự nhiên

D. $1999 > 2000$

Câu 3. Tích $6^5 \cdot 6$ bằng?

A. 5^6

B. 6^5

C. $5 \cdot 6$

D. 6^6

Câu 4. Số nào sau đây là bội của 8?

A. 9

B. 8

C. 12

D. 6

Câu 5. Tập hợp các ước của 10 là

A. $\{1; 2; 5; 10\}$

B. $\{0; 1; 2; 5\}$

C. $\{0; 1; 2; 5; 10\}$

D. $\{1; 2; 3; 5\}$

Câu 6. Số nào trong các số sau là hợp số?

A. 13

B. 29

C. 11

D. 57

Câu 7. Xét số $a = \overline{2*}$. Thay dấu * bởi chữ số nào để a là một số nguyên tố?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 8. Một xe taxi chở được không quá 4 người. Cần ít nhất bao nhiêu xe taxi để chở hết 21 bạn?

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 9. BCNN(3; 4; 6) là

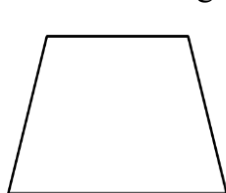
A. 6

B. 12

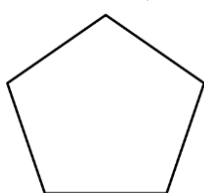
C. 36

D. 72

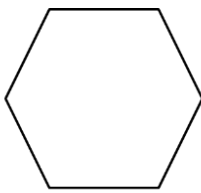
Câu 10. Trong các hình sau, hình nào là hình lục giác đều?



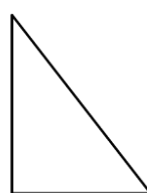
A



B



C



D

A. Hình A

B. Hình B

C. Hình C

D. Hình D

Câu 11. Chọn câu đúng trong các câu sau:

A. Tam giác đều có 3 cạnh bằng nhau.

B. Tam giác đều có 3 góc bằng nhau và bằng góc vuông.

C. Tam giác đều có 2 đường chéo bằng nhau.

D. Tam giác đều có 3 góc không bằng nhau.

Câu 12. Hình vuông có diện tích là 36cm^2 . Cạnh của hình vuông đó là:

A. 4cm

B. 6cm

C. 8cm

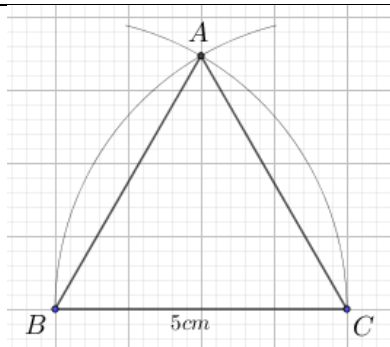
D. 9cm

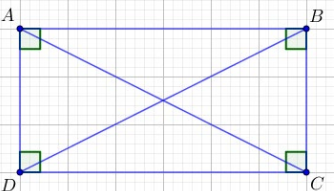
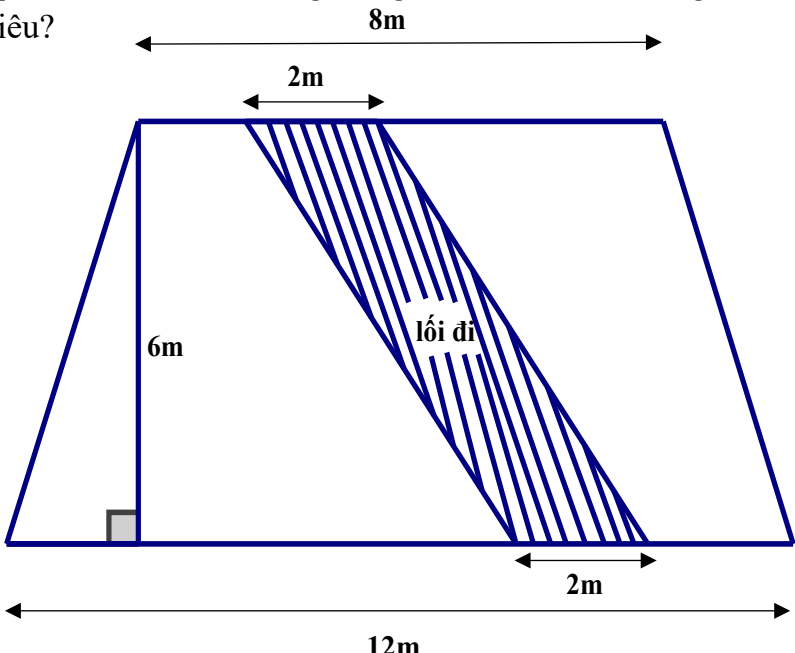
HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – TOÁN 6

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	D	B	A	D	C	D	B	C	A	B

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (1,25 điểm) a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 13 và nhỏ hơn 20. b) Viết các bội của 8 nhỏ hơn 60.	
1a	$A = \{14; 15; 16; 17; 18; 19\}$	0,75
1b	Các bội của 8 nhỏ hơn 60 là 0; 8; 16; 24; 32; 40; 48; 56	0,5
2	Bài 2 (1,0 điểm) Thực hiện phép tính: a) $36.173 + 63.173 + 173$ b) $9^7 : 9^5 - 3.2^3 + 25^0$	
2a	$36.173 + 63.173 + 173$ $= 173(36 + 63 + 1)$ $= 17300$	0,25 0,25
2b	b) $9^7 : 9^5 - 3.2^3 + 25^0$ $= 9^2 - 3.8 + 1$ $= 81 - 24 + 1$ $= 58$	0,25 0,25
3	Bài 3 (1,0 điểm) Lớp 6A tổ chức đến thăm và tặng quà cho các bạn có hoàn cảnh khó khăn. Dự định mỗi gói quà tặng có giá 155 000 đồng bao gồm 10 quyển vở giá 10 000 đồng 1 quyển, 1 bộ thước giá 15 000 đồng và 5 cây bút. Hỏi một cây bút trong gói quà tặng có giá bao nhiêu?	
	Số tiền mua 5 cây bút là: $155\ 000 - 10.10\ 000 - 15\ 000 = 40\ 000$ (đồng) Giá một cây bút là: $40\ 000 : 5 = 8\ 000$ (đồng)	0,5 0,5
4	Bài 4 (1,25 điểm) a) Vẽ tam giác đều ABC có cạnh bằng 5cm. b) Kể tên các cạnh bằng nhau và các góc bằng nhau của tam giác đều ABC.	
4a		0,75
4b	$AB = AC = BC$ Góc A = góc B = góc C	0,25 0,25

5	Bài 5 (1,5 điểm) a) Quan sát hình bên. Hãy kể tên các cặp cạnh đối diện bằng nhau, các đường chéo của hình chữ nhật ABCD. b) Tính diện tích của hình chữ nhật ABCD biết $AD = 3\text{cm}$ và $AB = 2 \cdot AD$	
5a	Hai cặp cạnh đối $AB = CD$, $AD = BC$ Hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD$.	0,5 0,25
5b	$AB = 2 \cdot AD = 2 \cdot 3 = 6\text{cm}$ Diện tích của hình chữ nhật ABCD là $6 \cdot 3 = 18\text{cm}^2$	0,25 0,5
6	Bài 6 (0,5 điểm) Cuối học kì 1, cô chủ nhiệm lớp 6A mua 252 quyển vở, 108 bút bi và 72 bút chì chia đều thành các phần quà để tặng cho học sinh của lớp. Tính số phần quà nhiều nhất có thể chia được.	
	Số phần quà nhiều nhất có thể chia được là $\text{ƯCLN}(252, 108, 72)$ $252 = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 7$; $108 = 2^2 \cdot 3^3$; $72 = 2^3 \cdot 3^2$ $\text{ƯCLN}(252, 108, 72) = 2^2 \cdot 3^2 = 36$. Vậy: Số phần quà nhiều nhất có thể chia được là 36.	0,25 0,25
7	Bài 7 (0,5 điểm) Một miếng đất hình thang cân, người ta làm lối đi là một hình bình hành bằng bê tông với các kích thước như hình vẽ. Phần còn lại người ta trồng hoa hướng dương. Chi phí cho mỗi mét vuông trồng hoa là 100 000 đồng. Hỏi chi phí để trồng hoa là bao nhiêu? 	
	Diện tích lối đi hình bình hành $2 \cdot 6 = 12 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích miếng đất hình thang $\frac{(12+8) \cdot 6}{2} = 60 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích trồng hoa hướng dương $60 - 12 = 48 \text{ (m}^2\text{)}$ Chi phí trồng hoa hướng dương: $100\,000 \cdot 48 = 4\,800\,000 \text{ (đồng)}$	0,25 0,25

ĐỀ CHÍNH THỨC

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

Câu 1. Tập hợp M các số tự nhiên khác 0 và nhỏ hơn hoặc bằng 5 được viết là:

A. $M = \{x \in \mathbb{N}^* / x \leq 5\}$

B. $M = \{x \in \mathbb{N}^* / x \geq 5\}$

C. $M = \{x \in \mathbb{N} / x \leq 5\}$

D. $M = \{x \in \mathbb{N} / x \geq 5\}$

Câu 2. Khẳng định nào sau đây đúng?

A. Không có số tự nhiên nhỏ nhất

B. Số 999 999 999 là số tự nhiên lớn nhất

C. Số 0 là một số tự nhiên

D. $1999 > 2000$

Câu 3. Tích $6 \cdot 6^7$ bằng?

A. 12^7

B. 6^7

C. 6^8

D. 6^9

Câu 4. Số nào sau đây là bội của 6?

A. 9

B. 8

C. 7

D. 6

Câu 5. Tập hợp các ước của 10 là

A. $\{0; 1; 2; 5; 10\}$

B. $\{0; 1; 2; 5\}$

C. $\{1; 2; 5; 10\}$

D. $\{1; 2; 3; 5\}$

Câu 6. Số nào trong các số sau là hợp số?

A. 29

B. 13

C. 81

D. 17

Câu 7. Xét số $a = \overline{2}^*$. Thay dấu * bởi chữ số nào để a là một số nguyên tố?

A. 4

B. 3

C. 2

D. 1

Câu 8. Một phòng thi không quá 24 thí sinh. Cần ít nhất bao nhiêu phòng thi để tổ chức cho 716 thí sinh dự thi?

A. 27

B. 28

C. 29

D. 30

Câu 9. BCNN(3; 5; 30) là

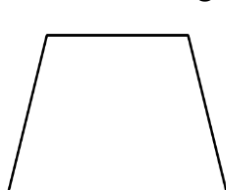
A. 15

B. 30

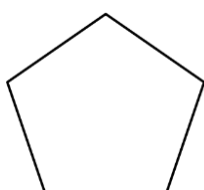
C. 60

D. 150

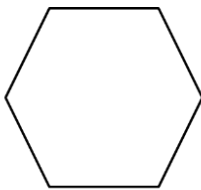
Câu 10. Trong các hình sau, hình nào là hình thang cân?



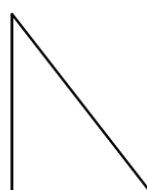
A



B



C



D

A. Hình A

B. Hình B

C. Hình C

D. Hình D

Câu 11. Chọn câu đúng trong các câu sau:

A. Tam giác đều có 3 góc bằng nhau và bằng góc vuông.

B. Tam giác đều có 3 cạnh bằng nhau.

C. Tam giác đều có 2 đường chéo bằng nhau.

D. Tam giác đều có 3 góc không bằng nhau.

Câu 12. Hình vuông có diện tích là 16cm^2 . Cạnh của hình vuông đó là:

A. 4cm

B. 6cm

C. 8cm

D. 16cm

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1: (1,25 điểm)

- a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 17 và nhỏ hơn 24.
b) Viết các bội của 7 lớn hơn 0 và nhỏ hơn 49

Bài 2: (1,0 điểm) Thực hiện phép tính (Tính hợp lí nếu có thể):

a) $136.27 + 136.72 + 136$

b) $8^{17} : 8^{15} - 3^2.5 + 1^5$

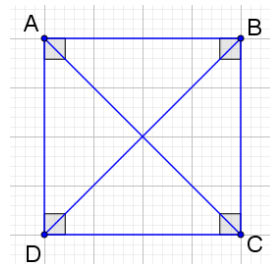
Bài 3: (1,0 điểm) Bạn Bình vào nhà sách mua 10 quyển vở, 6 cây bút và 1 quyển sách. Tổng số tiền Bình phải trả cho cô thu ngân là 207 000 đồng. Hỏi một cây bút Bình mua có giá bao nhiêu? Biết giá một quyển vở là 12 000 đồng, giá một quyển sách là 39 000 đồng.

Bài 4: (1,25 điểm)

- a) Vẽ tam giác đều MNP có cạnh bằng 4cm.
b) Kể tên các cạnh bằng nhau và các góc bằng nhau của tam giác đều MNP.

Bài 5: (1,5 điểm)

- a) Quan sát hình bên. Em hãy mô tả về cạnh và đường chéo của hình vuông ABCD.

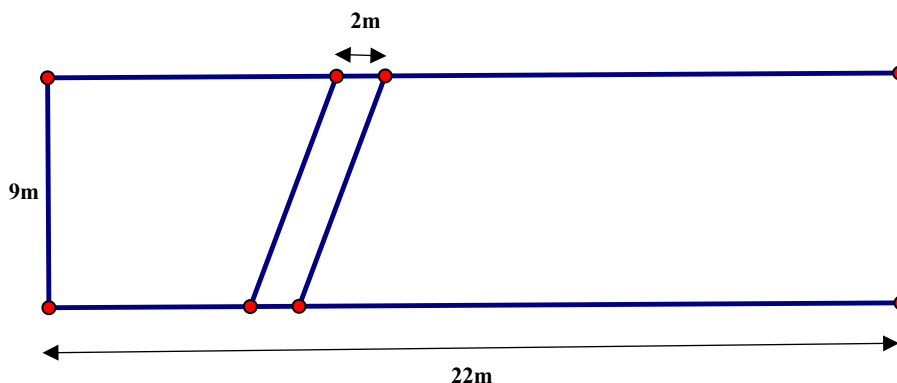


- b) Tính diện tích của hình vuông ABCD nếu biết chu vi của nó bằng 32cm.

Bài 6: (0,5 điểm) Lớp 6A có 54 học sinh, lớp 6B có 42 học sinh và lớp 6C có 48 học sinh.

Trong ngày khai giảng, ba lớp xếp thành các hàng dọc như nhau để diễu hành mà không có lớp nào có người lẻ hàng. Tính số hàng dọc nhiều nhất có thể xếp được ?

Bài 7: (0,5 điểm) Một miếng đất hình chữ nhật, người ta làm lối đi là một hình bình hành bằng bê tông với các kích thước như hình vẽ. Phần còn lại người ta trồng hoa hồng. Chi phí cho mỗi mét vuông trồng hoa là 120 000 đồng. Hỏi chi phí để trồng hoa là bao nhiêu?



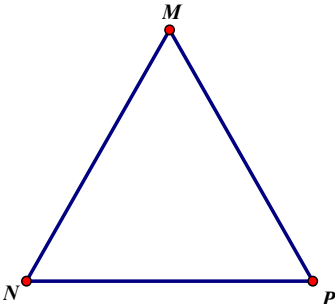
HẾT

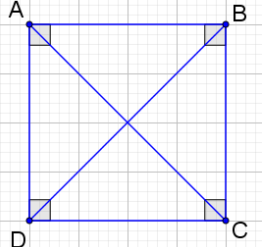
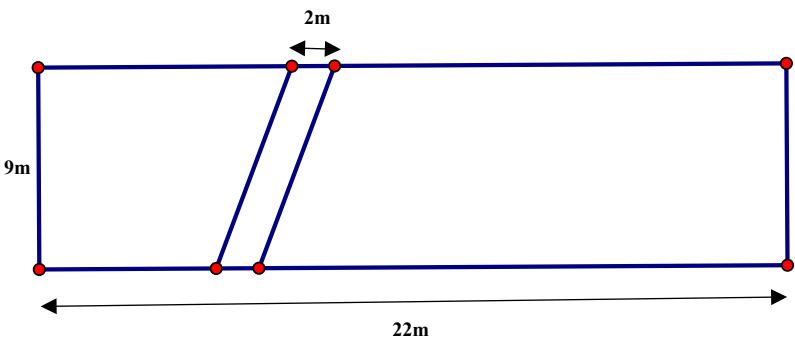
HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – TOÁN 6 – ĐỀ B

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	C	C	D	C	C	B	D	B	A	B	A

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Bài	Đáp án	Điểm
1	Bài 1 (1,25 điểm) a) Viết tập hợp A các số tự nhiên lớn hơn 17 và nhỏ hơn 24. b) Viết các bội của 7 lớn hơn 0 và nhỏ hơn 49	
1a	$A = \{18; 19; 20; 21; 22; 23\}$	0,75
1b	Các bội của 7 lớn hơn 0 và nhỏ hơn 49 là 7; 14; 21; 28; 35; 42	0,5
2	Bài 2 (1,0 điểm) Thực hiện phép tính: a) $136.27 + 136.72 + 136$ b) $8^{17} : 8^{15} - 3^2.5 + 1^5$	
2a	$136.27 + 136.72 + 136$ $= 136(27 + 72 + 1)$ $= 13\ 600$	0,25 0,25
2b	b) $8^{17} : 8^{15} - 3^2.5 + 1^5$ $= 8^2 - 9.5 + 1$ $= 64 - 45 + 1$ $= 20$	0,25 0,25
3	Bài 6: Bài 3 (1,0 điểm) Bạn Bình vào nhà sách mua 10 quyển vở, 6 cây bút và 1 quyển sách. Tổng số tiền Bình phải trả cho cô thu ngân là 207 000 đồng. Hỏi một cây bút Bình mua có giá bao nhiêu? Biết giá một quyển vở là 12 000 đồng, giá một quyển sách là 39 000 đồng.	
	Số tiền mua 6 cây bút là: $207\ 000 - 10.12\ 000 - 39\ 000 = 48\ 000$ (đồng) Giá một cây bút là: $48\ 000 : 6 = 8\ 000$ (đồng)	0,5 0,5
4	Bài 4 (1,25 điểm) a) Vẽ tam giác đều MNP có cạnh bằng 4cm. b) Kể tên các cạnh bằng nhau và các góc bằng nhau của tam giác đều MNP.	
4a		0,75
4b	$MN = MP = NP$ Góc M = góc N = góc P	0,25 0,25

5	Bài 5 (1,5 điểm) a) Quan sát hình bên. Em hãy mô tả về cạnh và đường chéo của hình vuông ABCD. b) Tính diện tích của hình vuông ABCD nếu biết chu vi của nó bằng 32 cm.	
5a	Bốn cạnh bằng nhau $AB = CD = AD = BC$ Hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD$.	0,5 0,25
5b	Độ dài cạnh hình vuông là: $32:4 = 8\text{cm}$ Diện tích của hình vuông ABCD là $8.8 = 64\text{cm}^2$	0,25 0,5
6	Bài 6 (0,5 điểm) Lớp 6A có 54 học sinh, lớp 6B có 42 học sinh và lớp 6C có 48 học sinh. Trong ngày khai giảng, ba lớp xếp thành các hàng dọc như nhau để diễu hành mà không có lớp nào có người lẻ hàng. Tính số hàng dọc nhiều nhất có thể xếp được ?	
	Số hàng dọc nhiều nhất có thể chia được là ƯCLN(54, 42, 48) $54 = 2.3^3$; $42 = 2.3.7$; $48 = 2^4.3$ $\text{ƯCLN}(54, 42, 48) = 2.3 = 6$ Vậy: Số hàng dọc nhiều nhất có thể chia được 6.	0,25 0,25
7	Bài 7 (0,5 điểm) Một miếng đất hình chữ nhật, người ta làm lối đi là một hình bình hành bằng bê tông với các kích thước như hình vẽ. Phần còn lại người ta trồng hoa hồng. Chi phí cho mỗi mét vuông trồng hoa là 90 000 đồng. Hỏi chi phí để trồng hoa là bao nhiêu? 	
	Diện tích lối đi hình bình hành $2.9 = 18 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích miếng đất hình chữ nhật $9.22 = 198 \text{ (m}^2\text{)}$ Diện tích trồng hoa hồng $198 - 18 = 180 \text{ (m}^2\text{)}$ Chi phí trồng hoa hướng dương: $90\,000 \cdot 180 = 16\,200\,000 \text{ (đồng)}$	 0,25 0,25

